ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2226/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 29 tháng 6 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương";

Căn cứ Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định tiêu chí đánh giá, phân loại chính quyền cơ sở ở xã, phường, thị trấn hàng năm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1481/TTr-SNV ngày 22/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã.

Điều 2. Bộ Chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã sử dụng để đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Đánh giá và phân loại

1. Việc đánh giá, tính điểm dựa trên những nội dung đã hoàn thành và có tài liệu chứng minh đầy đủ, rõ ràng.

2. Việc xếp loại được căn cứ vào tổng điểm mà UBND cấp xã đạt được:

Từ 90 đến 100 điểm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+)

Từ 70 đến dưới 90 điểm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ (A)

Từ 50 đến dưới 70 điểm: Hoàn thành nhiệm vụ (B)

Dưới 50 điểm: Không hoàn thành nhiệm vụ (C)

Điều 4. Giao UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa căn cứ Bộ Chỉ số Cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã hướng dẫn việc đánh giá, thẩm định, công bố Chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã; báo cáo kết quả về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) theo quy định.

Điều 5. Giao Sở Nội vụ báo cáo kết quả đánh giá Chỉ số Cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã hàng năm cho UBND tỉnh, đồng thời, tham mưu điều chỉnh Chỉ số Cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã cho phù hợp.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, Sở Nội vụ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đinh Quốc Thái

BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	PHẦN I: CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)			
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	15		
1.1	**Kế hoạch CCHC hàng năm**	**4,5**		
1.1.1	Ban hành kế hoạch cải cách hành chính	0,5		
	Kịp thời (chậm nhất trong tháng 01 của năm kế hoạch): (0,5đ)			
	Không kịp thời: (0,25đ)			
	Không ban hành: (0đ)			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1		
	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ, đúng định hướng theo kế hoạch CCHC của cấp trên: (0,5đ)			
	Các kết quả trong kế hoạch phải được xác định rõ ràng đối với từng nhiệm vụ: (0,5đ)			
1.1.3	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	3		
	Đạt 100% kế hoạch: (3đ)			
	Từ 90% đến dưới 100% kế hoạch: (2đ)			
	Từ 80% đến dưới 90% kế hoạch: (1đ)			
	Từ 70% đến dưới 80% kế hoạch: (0,5đ)			
	Dưới 70% kế hoạch: (0đ)			
1.2	**Báo cáo CCHC**	**2**		
1.2.1	Thực hiện đầy đủ báo cáo CCHC (báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm)	1		
	Đủ số lượng báo cáo: (1đ)			
	Không đủ số lượng báo cáo: (0đ)			
1.2.2	Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo kế hoạch CCHC của đơn vị và theo đúng yêu cầu của UBND cấp huyện	0,5		
	Đạt yêu cầu: (0,5đ)			
	Không đạt yêu cầu: (0đ)			
1.2.3	Tất cả được gửi đúng thời gian quy định	0,5		
	Đúng thời gian quy định: (0,5đ)			
	Không đúng thời gian quy định: (0đ)			
1.3	**Kiểm tra công tác CCHC**	**2,5**		
1.3.1	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	0,5		
	Đạt 100% kế hoạch: (0,5đ)			
	Từ 85% đến dưới 100% kế hoạch: (0,25đ)			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Dưới 85% kế hoạch: (0đ)			
1.3.2	Phát hiện các vấn đề qua kiểm tra	1		
	Có phát hiện các vấn đề chưa phù hợp: (1đ)			
	Không phát hiện ra các vấn đề chưa phù hợp: (0đ)			
1.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	Đạt 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: (1đ)			
	Từ 85% đến dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: (0,75đ)			
	Từ 70% đến dưới 85% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: (0,5đ)			
	Từ 50% đến dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: (0,25đ)			
	Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: (0đ)			
	Trường hợp tất cả các đơn vị được kiểm tra đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5đ)			
1.4	**Thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính**	**2**		
1.4.1	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1		
	Đạt 100% kế hoạch: (1đ)			
	Từ 85% đến dưới 100% kế hoạch: (0,5đ)			
	Từ 70% đến dưới 85% kế hoạch: (0,25đ)			
	Dưới 70% kế hoạch: (0đ)			
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC: có thực hiện một trong các hình thức: Tổ chức cuộc thi, tọa đàm, sân khấu,... (0,5đ); không thực hiện (0đ).	0,5		
1.4.3	Hiệu quả của công tác tuyên truyền cải cách hành chính	0,5		
1.5	**Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính**	**1**		
	Rà soát kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC định kỳ hàng tuần: có thực hiện: (0,5đ); không thực hoặc có thực hiện nhưng chưa đầy đủ: (0đ)			
	Chỉ đạo công tác cải cách hành chính đầy đủ: tổ chức họp CCHC hàng tháng (0,25đ), hàng quý (0,25đ); không thực hiện hoặc có thực hiện			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	nhưng chưa đầy đủ: (0đ)			
1.6	**Triển khai chỉ đạo của cấp trên về cải cách hành chính, với kết quả:**	**3**		
	01 chỉ đạo đảm bảo theo yêu cầu: (+1đ); không đảm bảo theo yêu cầu hoặc không triển khai: (-1đ)			
	02 chỉ đạo đảm bảo theo yêu cầu (+2đ); không đảm bảo theo yêu cầu hoặc không triển khai (-2đ)			
	Từ 03 chỉ đạo trở lên đảm bảo theo yêu cầu: (+3đ); không đảm bảo theo yêu cầu hoặc không triển khai: (-3đ)			
	Trường hợp đơn vị không triển khai, do trong các chỉ đạo của cấp trên, đơn vị không có nhiệm vụ phải triển khai: (0đ)			
2	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**	**8**		
2.1	**Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật**	**3**		
2.1.1	Thực hiện đúng quy trình thủ tục quy định	1		
2.1.2	Tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật	1		
2.1.3	Tính hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật	1		
2.2	**Công tác theo dõi thi hành pháp luật**	**3**		
2.2.1	Mức độ thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	2		
	Đạt 100% kế hoạch: (2đ)			
	Từ 85% đến dưới 100% kế hoạch: (1đ)			
	Từ 70% đến dưới 85% kế hoạch: (0,5đ)			
	Dưới 70% kế hoạch: (0đ)			
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật:	1		
	100% số lượng vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật: (1đ)			
	Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề: (0,5đ)			
	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề: (0,25đ)			
	Dưới 70% số vấn đề: (0đ)			
	Trường hợp các kết quả theo dõi thi hành pháp luật đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5đ)			
2.3	**Thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy**	**2**		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	phạm pháp luật của cấp xã ban hành			
2.3.1	Có thực hiện	1		
2.3.2	Xử lý, kiến nghị xử lý các vấn đề không còn phù hợp	1		
	Có xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (1đ)			
	Có phát hiện nhưng không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0đ)			
	Trường hợp tất cả các VBQPPL qua rà soát đều phù hợp, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5đ)			
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**28**		
3.1	**Kiểm soát thủ tục hành chính**	**6**		
3.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch	2		
	Đạt 100% kế hoạch: (2đ)			
	Từ 85% đến dưới 100% kế hoạch: (1,5đ)			
	Từ 70% đến dưới 85% kế hoạch: (1đ)			
	Dưới 70% kế hoạch: (0đ)			
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1,5		
	Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính và các quy định có liên quan: (1,5đ)			
	Trường hợp có rà soát nhưng không đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính và các quy định có liên quan: (0,5đ)			
3.1.3	Triển khai kịp thời các TTHC do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	1,5		
	Đạt 100% số TTHC: (1,3đ)			
	Từ 90% đến dưới 100% số TTHC: (1đ)			
	Từ 85% đến dưới 90% số TTHC: (0,5đ)			
	Dưới 85% số TTHC: (0đ)			
3.1.4	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	0,5		
	Thực hiện đầy đủ theo quy định: (0,5đ)			
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định: (0đ)			
3.1.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	0,5		
	Đạt 100% phản ánh, kiến nghị: (0,5đ)			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Không đạt 100% phản ánh, kiến nghị: (0đ)			
	Trường hợp cơ quan, đơn vị không nhận được phản ánh, kiến nghị của người dân, không phát sinh việc xử lý: (0,25đ)			
3.2	**Công khai thủ tục hành chính gồm:** Niêm yết công khai đầy đủ, rõ ràng và dễ tiếp cận bộ thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	**5**		
3.2.1	Danh mục thủ tục hành chính	1		
3.2.2	Bộ thủ tục hành chính	1		
3.2.3	Bộ hồ sơ mẫu	2		
3.2.4	Điện thoại đường dây nóng	0,5		
3.2.5	Hộp thư góp ý	0,5		
3.3	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**	**17**		
3.3.1	Thực hiện cơ chế một cửa	3		
	Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã do UBND tỉnh công bố: Đạt 100% TTHC: (2đ); Từ 95% đến dưới 100% số TTHC: (1đ); Từ 90% đến dưới 95% số TTHC: (0,5đ); Dưới 90% số TTHC: (0đ)			
	Thực hiện cung cấp các dịch vụ công cần thiết cho người dân, doanh nghiệp, tích hợp giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả: (1đ); chưa thực hiện: (0đ)			
3.3.2	Số lượng thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông:	3		
	Liên thông 26 TTHC trong lĩnh vực đất đai: (1đ); không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng chưa đạt yêu cầu: (0đ)			
	Liên thông 03 TTHC đăng ký khai sinh, hộ khẩu thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi: (1); không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng chưa đạt yêu cầu: (0đ)			
	Liên thông các lĩnh vực khác (1đ); không có thực hiện: (0đ)			
3.3.3	Điều chỉnh, bổ sung quy trình thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa tại đơn vị	2		
	Điều chỉnh, bổ sung kịp thời: (2đ)			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Không điều chỉnh, bổ sung kịp thời: (0đ)			
	Trong trường hợp quy định thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa của đơn vị qua rà soát vẫn còn phù hợp không cần điều chỉnh, bổ sung: (0,5đ)			
3.3.4	Công tác tiếp nhận, trả hồ sơ	3		
	100% hồ sơ có phiếu biên nhận (đối với hồ sơ phải ghi phiếu biên nhận): (1đ)			
	100% hồ sơ vào sổ trả hồ sơ: (0,5đ)			
	100% hồ sơ thực hiện đúng quy trình luân chuyển hồ sơ: (0,5đ)			
	100% hồ sơ trễ hẹn, đơn vị có văn bản xin lỗi người dân: (1đ); Trường hợp 100% hồ sơ đúng hẹn, không phát sinh văn bản xin lỗi: (1đ)			
3.3.5	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hẹn:	5		
	Đạt 100%: (5đ)			
	Từ 95% đến dưới 100%: (4đ)			
	Từ 90% đến dưới 95%: (3đ)			
	Từ 85% đến dưới 90%: (2đ)			
	Từ 80% đến dưới 85%: (1đ)			
	Dưới 80%: (0đ)			
3.3.6	Thực hiện tiếp nhận và trả hồ sơ, TTHC qua dịch vụ Bưu chính theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ	1		
	Đã thực hiện: (1đ)			
	Chưa thực hiện: (0đ)			
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**	**6**		
4.1	Tuân thủ các quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy và số lượng cán bộ chuyên trách, công chức, những người hoạt động không chuyên trách	**4**		
4.1.1	Thực hiện đúng quy định về số lượng cán bộ, công chức: (2đ); thực hiện chưa đúng theo quy định: (0đ)			
4.1.2	Thực hiện đúng quy định về số lượng những người hoạt động không chuyên trách (2đ); thực hiện chưa đúng theo quy định: (0đ)			
4.2	Phân công nhiệm vụ các thành viên UBND, công chức theo đúng quy định	**2**		
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**	**14**		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
5.1	**Đội ngũ công chức**	**9**		
5.1.1	Tỷ lệ công chức đạt chuẩn chính trị:	2		
	Từ 70% trở lên: (2đ)			
	Từ 60% đến dưới 70%: (1đ)			
	Từ 50% đến dưới 60%: (0,5đ)			
	Dưới 50%: (0đ)			
5.1.2	Tỷ lệ công chức đạt chuẩn chuyên môn:	2		
	Đạt 100% tổng số: (2đ)			
	Từ 95% đến dưới 100%: (1đ)			
	Từ 90% đến dưới 95%: (0,5đ)			
	Dưới 90%: (0đ)			
5.1.3	Bố trí, sử dụng công chức đúng quy định vị trí việc làm theo quy định	3		
5.1.4	Quản lý cán bộ, công chức trên cơ sở dữ liệu điện tử	2		
	Quản lý, cập nhật dữ liệu về cán bộ, công chức lên phần mềm theo đúng yêu cầu: (1đ); chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: (0đ);			
	Ứng dụng phần mềm phục vụ công tác cán bộ, công chức: (1đ).			
5.2	**Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức**	**5**		
5.2.1	Chọn cử cán bộ, công chức tham gia các khóa - lớp đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của UBND cấp huyện	2		
	100% các khóa - lớp đạt yêu cầu: (2đ)			
	Từ 85% đến dưới 100%: (1đ)			
	Dưới 85%: (0đ)			
5.2.2	Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn; bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí việc làm quy định tại Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ: Số lượng cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng với thời gian học tối thiểu từ 01 tuần/01 năm trở lên:	3		
	Từ 70% số cán bộ, công chức trở lên: (3đ)			
	Từ 60% đến dưới 70% số cán bộ, công chức: (2đ)			
	Từ 50% đến dưới 60% số cán bộ, công chức: (1đ)			
	Từ 40% đến dưới 50% số cán bộ, công chức:			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	(0,5đ)			
	Dưới 40% số cán bộ, công chức: (0đ)			
6	**CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG**	4		
	Kết quả thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức hàng năm: Thể hiện có thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho cán bộ, công chức			
7	**HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH**	15		
7.1.1	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp xã và cấp huyện	4		
	Đạt 100% tổng số văn bản: (4đ)			
	Từ 95% đến dưới 100% tổng số văn bản: (3đ)			
	Từ 90% đến dưới 95% tổng số văn bản: (2đ)			
	Từ 85% đến dưới 90% tổng số văn bản: (1đ)			
	Dưới 85% tổng số văn bản: (0đ)			
7.1.2	Tỷ lệ lãnh đạo UBND cấp xã sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc.	2		
	Đạt 100% tổng số lãnh đạo: (2đ)			
	Từ 95% đến dưới 100% tổng số: (1đ)			
	Dưới 95% tổng số: (0đ)			
7.1.3	Tỷ lệ công chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc.	3		
	Đạt 100% tổng số công chức: (3đ)			
	Từ 95% đến dưới 100%: (2đ)			
	Từ 90% đến dưới 95%: (1đ)			
	Từ 85% đến dưới 90%: (0,5đ)			
	Từ 80% đến dưới 85%: (0,25đ)			
	Dưới 80%: (0đ)			
7.1.4	Ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử.	1		
	Đã ứng dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng do Ban cơ yếu Chính phủ cấp: (0,75đ)			
	Đạt tỷ lệ 50% lãnh đạo các đơn vị ứng dụng chữ ký số, chứng thư số: (0,25đ)			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Trường hợp lãnh đạo đơn vị chưa được cung cấp chữ ký số, chứng thư số: (1đ).			
7.2	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua phần mềm một cửa:	4		
	Đạt 100% hồ sơ: (4đ)			
	Từ 95% đến dưới 100% hồ sơ: (3đ)			
	Từ 90% đến dưới 95% hồ sơ: (2đ)			
	Từ 85% đến dưới 90% hồ sơ: (1đ)			
	Dưới 85% hồ sơ: (0đ).			
7.3	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1		
	Có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: (0,5đ)			
	Không cung cấp dịch vụ công mức độ 3 do không quy định (0,5đ):			
	Trường hợp đơn vị có dịch vụ công được phê duyệt cung cấp mức độ 3 nhưng chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: (0đ)			
8	**SÁNG KIẾN, CÁCH LÀM MỚI TRONG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**	**10**		
	Có 05 sáng kiến trở lên: (10đ)			
	Có 04 sáng kiến: (8đ)			
	Có 03 sáng kiến: (6đ)			
	Có 02 sáng kiến: (4đ)			
	Có 01 sáng kiến: (2đ)			
	Không có sáng kiến: (0đ)			
Tổng điểm phần I: 100		**Tổng điểm quy đổi phần I: 50**		
PHẦN II: CHỈ SỐ CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ CẤP XÃ (50%)				
1	**Kết quả thực hiện trên lĩnh vực kinh tế - xã hội**	**10**		
	Hàng năm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.	1		
	Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch phát triển kinh kế - xã hội hàng năm tại địa phương được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao và kế hoạch của địa phương đề ra:	2		
	- Hoàn thành từ 95% trở lên: (2đ)			
	- Hoàn thành từ 80% đến dưới 95%: (1,5đ)			
	- Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%: (1đ)			
	- Dưới 70%: (0đ)			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Lập dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình	1,5		
	- Lập dự án thu ngân sách: (0,5đ)			
	- Lập dự án chi ngân sách: (0,5đ)			
	- Lập phương án phân bổ dự toán: (0,5đ)			
	Lập dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết (nếu có) và lập quyết toán ngân sách địa phương	0.5		
	Thực hiện việc thu ngân sách	1,5		
	- Vượt kế hoạch: (1,5đ)			
	- Đạt kế hoạch: (1đ)			
	- Không đạt kế hoạch: (0đ)			
	Thực hiện việc chi, phân bổ ngân sách địa phương hợp lý, đạt kế hoạch	1,5		
	Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quản lý công tác thu, chi tài chính và quản lý ngân sách đạt hiệu quả	1		
	Thực hiện tốt công tác báo cáo về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật	1		
2	**Kết quả thực hiện quản lý trên lĩnh vực công, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thương mại - dịch vụ**	**10**		
	Hướng dẫn nhân dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi phù hợp với địa phương	1		
	Tổ chức tập huấn các chương trình, hướng dẫn cho nhân dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật	1		
	Xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh đối với vật nuôi, cây trồng có hiệu quả.	1		
	Tuyên truyền, vận động nhân dân cùng chính quyền địa phương xây dựng, sửa chữa hệ thống thoát nước đô thị	1		
	Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	1		
	Có trên 95% hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.	1		
	Địa phương không để xảy ra cháy, nổ; phối hợp cơ quan cấp trên tổ chức tập huấn, tuyên	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	truyền phòng, chống cháy nổ; thường xuyên kiểm tra, xử lý vi phạm theo phân cấp.			
	Tổ chức, hướng dẫn việc khai thác và phát triển các ngành, nghề truyền thống, phát triển cụm, điểm công nghiệp, phát triển thương mại nội địa ở địa phương.	0,5		
	Tổ chức ứng dụng tiến bộ về khoa học, công nghệ để phát triển các ngành, nghề mới.	0,5		
	Triển khai và thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả do thiên tai, bảo lụt và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.	1		
	- Có thực hiện: (1đ)			
	- Không thực hiện: (0đ)			
	Địa phương không xảy ra vi phạm pháp luật về bảo vệ đê điều, bảo vệ rừng.	1		
	+ Không xảy ra vi phạm: (1đ)			
	+ Xảy ra vi phạm: (0đ)			
3	**Kết quả thực hiện trên lĩnh vực xây dựng, mạng lưới giao thông, xây dựng điểm dân cư**	**10**		
	Kịp thời xây dựng, tu sửa đường giao thông theo phân cấp quản lý.	1		
	Tuyên tuyền, vận động nhân dân thực hiện công tác giải phóng mặt bằng bàn giao cho chủ đầu tư xây dựng, mở rộng đường giao thông.	1		
	Kiểm tra, chấn chỉnh, xử phạt tình trạng lấn chiếm vĩa hè, vi phạm trật tự an toàn giao thông.	1		
	Thực hiện tốt xã hội hóa giao thông nông thôn (đô thị); lập kế hoạch bảo vệ đường giao thông và các công trình giao thông, cơ sở hạ tầng khác.	1		
	Tuyên truyền, vận động nhân dân cùng chính quyền địa phương xây dựng đường giao thông nông thôn ở khu, ấp; chấp hành nghiêm chỉnh Luật giao thông.	1		
	Quản lý việc xây dựng, cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ ở điểm dân cư theo quy định của pháp luật.	1		
	Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về xây dựng và xử lý vi phạm pháp luật theo thẩm quyền do pháp luật quy định, đảm bảo địa phương không có tình trạng xây dựng trái phép.	1		
	Phối hợp với cấp có thẩm quyền lập biên bản,	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	đình chỉ kịp thời những công trình xây dựng, sửa chữa, cải tạo không có giấy phép, trái với quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.			
	Tổ chức tuyên truyền quy định pháp luật quy định xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật.	1		
	Quản lý và bảo vệ cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở địa phương theo phân cấp đảm bảo hiệu quả; quản lý, sử dụng công sở hiệu quả.	1		
4	**Kết quả thực hiện trên lĩnh vực tài nguyên và môi trường**	10		
	Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ, khai thác tài nguyên rừng, tài nguyên khoán sản, tài nguyên nước trên địa bàn.	1		
	Kiểm tra, xác nhận và lập thủ tục đề nghị UBND cấp huyện cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định, không để tồn đọng giấy chứng nhận.	1		
	Phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai của người dân, không để đơn tồn đọng kéo dài.	1		
	Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc sử dụng đất và xử lý những hành vi vi phạm quy định của nhà nước về đất đai.	1		
	Lập kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất thuộc các công trình công trình công cộng, trụ sở, trường học, trạm y tế … có hiệu quả.	1		
	Quản lý bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính theo đúng quy định, không để mất, hư hỏng.	1		
	Tổ chức tuyên truyền cho nhân dân, đơn vị sản xuất trên địa bàn thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường ở khu dân cư.	1		
	Phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết khiếu kiện, phản ánh của nhân dân có liên quan đến môi trường.	1		
	Thường xuyên kiểm tra việc khai thác nguồn nước ngầm, rác thải và xử lý những trường hợp vi phạm về môi trường thuộc thẩm quyền.	1		
	Kiểm tra và đề nghị cấp trên xử lý đối với những trường hợp khai thác nguồn tài nguyên	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	trái phép và xả nước thải chưa qua xử lý.			
5	**Kết quả thực hiện trên lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, chính sách xã hội**	10		
	Xây dựng kế hoạch và phương hướng phát triển sự nghiệp giáo dục ở địa phương.	1		
	Vận động gia đình cho trẻ em vào lớp một đúng tuổi	1		
	- Đạt 100%: (1đ)			
	- Từ 90% đến dưới 100%: (0,5đ)			
	- Dưới 90%: (0đ)			
	Tổ chức các lớp phổ cập giáo dục; thực hiện tốt công tác khuyến học, Trung tâm học tập cộng đồng có hiệu quả.	0,5		
	Xây dựng kế hoạch quản lý và kiểm tra hoạt động của nhóm trẻ gia đình, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường mầm non.	0,5		
	Xây dựng chương trình về Dân số kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, vệ sinh an toàn thực phẩm	0,5		
	Phối hợp với UBND cấp trên quản lý trường tiểu học, trường trung học cơ sở trên địa bàn	0,5		
	Duy trì tỷ lệ tăng dân số hàng năm đạt dưới 1,5%	0,5		
	Xây dựng kế hoạch triển khai các chương trình y tế quốc gia, kế hoạch hóa gia đình theo quy định; phối hợp với trạm y tế cấp xã thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia.	0,5		
	Thực hiện tốt chỉ tiêu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và tiêm chủng các loại vácxin đối với trẻ em theo quy định.	0,5		
	Vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống các dịch bệnh.	0,5		
	Địa phương phát hiện và xử lý kịp thời các loại dịch bệnh trên địa bàn, không để lây lan trên diện rộng.	0,5		
	Thực hiện chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, chính sách trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội	1		
	Thường xuyên phối hợp với các cơ quan cấp trên mở các lớp dạy nghề cho các đối tượng trong độ tuổi lao động ở địa phương.	0,5		
	Hoàn thành kế hoạch xóa đói, giảm nghèo hàng năm	0,5		
	Có chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện cho các	0,5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	hộ gia đình có nhu cầu vay vốn làm ăn chính đáng.			
	Quản lý, bảo vệ, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ; quy hoạch, quản lý nghĩa địa ở địa phương.	1		
6	**Kết quả thực hiện trên lĩnh vực Văn hoá, thể thao, du lịch, gia đình và chính sách dân tộc, tôn giáo**	10		
	Vận động hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hoá.	1		
	- Từ 95% trở lên: (1đ)			
	- Từ 80% đến dưới 95%: (0,5đ)			
	- Dưới 80%: (0đ)			
	Xây dựng các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các phong trào thể dục, thể thao ở địa phương.	1		
	Bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản (vật thể và phi vật thể), danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật.	1		
	Tổ chức xây dựng nếp sống văn minh đô thị, phòng, chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự vệ sinh, sạch đẹp ở ấp, khu phố, lòng đường, lề đường, trật tự công cộng và cảnh quan đô thị.	1		
	Xây dựng các ấp, khu phố đạt chuẩn văn hoá	1		
	- Từ 85% trở lên: (1đ)			
	- Từ 65 đến dưới 85%: (0,5đ)			
	- Dưới 65%: (0đ)			
	Địa phương có Trung tâm văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng để nhân dân tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.	1		
	Địa phương có biện pháp chấn chỉnh các đối tượng mại dâm nhằm hạn chế đối tượng mại dâm, ma túy so với năm trước	1		
	Tổ chức, hướng dẫn và bảo đảm thực hiện tốt chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo.	1		
	Kịp thời phối hợp xử lý những vụ việc có liên quan đến quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo trên địa bàn.	1		
	Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân ở địa phương theo quy định của pháp luật.	1		
7	**Kết quả thực hiện trên lĩnh vực thông tin truyền thông, khoa học, công nghệ**	10		
	Xây dựng kế hoạch phát triển chương trình Thông tin - truyền thông và Khoa học - Công nghệ giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Phối hợp với các cơ quan nâng cấp đường truyền tín hiệu đồng thời kiểm tra và xử lý các điểm dịch vụ Internet, thông tin tuyên truyền không lành mạnh mang tính chống đối, phản động, đồi trụy.	2		
	Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp thông tin, tuyên truyền; nâng cao chất lượng hoạt động của Đài truyền thanh cấp xã.	2		
	Xây dựng kế hoạch phát triển chương trình Khoa học và công nghệ giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.	2		
	Tổ chức hướng dẫn nhân dân, đơn vị sản xuất ứng dụng khoa học - công nghệ trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và sản xuất.	1		
	Phối hợp với cơ quan cấp trên nâng cao chất lượng trong việc ứng dụng khoa học - công nghệ.	1		
8	**Kết quả thực hiện trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội**	**10**		
	Thực hiện công tác nghĩa vụ quân sự và tuyển quân theo kế hoạch; đăng ký, quản lý quân nhân dự bị động viên.	1		
	Hoàn thành kế hoạch tuyển quân, giao quân hàng năm.	1		
	- Đạt 100%: (1đ)			
	- Không đạt: (0đ)			
	Xây dựng kế hoạch huấn luyện, sử dụng lực lượng dân quân tự vệ ở địa phương.	1		
	Quản lý chặt chẽ vũ khí, khí tài được trang bị cho lực lượng dân quân thường trực.	1		
	Tổ chức tuyên truyền, giáo dục xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng làng, xã chiến đấu trong khu vực phòng thủ địa phương.	1		
	Lập kế hoạch và thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu; thực hiện công tác đăng ký tạm trú, tạm vắng và quản lý việc đi lại của người nước ngoài.	1		
	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền phòng, chống cháy nổ trong cơ quan và tại địa phương.	1		
	Xây dựng lực lượng công an viên, đội dân phòng, tổ tự quản, tổ tuần tra làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương	1		
	Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, làm tốt công tác quản lý	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	hành chính về trật tự xã hội; thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở.			
	Thực hiện biện pháp phòng, chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở địa phương.	1		
9	**Kết quả tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật**	**10**		
	Cán bộ, công chức đoàn kết, nhất trí gương mẫu trên mọi lĩnh vực công tác	1		
	Chấp hành và thực hiện đúng chủ trương và chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước	1		
	Tổ chức tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân theo thẩm quyền, niêm yết công khai lịch tiếp dân của lãnh đạo cho nhân dân biết.	2		
	Tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc thi hành án theo quy định của pháp luật, đảm bảo công tác quản lý, giám sát chặt chẽ và có hiệu quả đối với các đối tượng bị thi hành án.	2		
	Tổ chức thực hiện các quyết định về xử lý vi phạm hành chính đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.	1		
	Tổ chức tuyên truyền Luật phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các tệ nạn xã hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan cho CBCC cấp xã.	1		
	Đơn vị không có cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành thực thi công vụ, không xảy ra vi phạm.	2		
	- Đạt 100% trở lên: (2đ)			
	- Từ 90 đến dưới 100%: (1đ)			
	- Dưới 90%: (0đ)			
10	**Công tác tổ chức bộ máy chính quyền, thực hiện Quy chế dân chủ, Dân vận chính quyền và phối hợp công tác**	**10**		
	Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc, nghiêm túc thực hiện quy chế ứng xử đối với cán bộ, công chức; thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng.	2		
	Tổ chức công khai cho nhân dân biết, nhân dân bàn và quyết định các nội dung có liên quan	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	đến đời sống nhân dân theo quy định tại Pháp lệnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.			
	Xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND và Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của UBND cấp xã.	1		
	Trong nhiệm kỳ có tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng, Phó Trưởng ấp (khu phố).	1		
	Tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với các chức danh công chức cấp xã.	1		
	Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nhân rộng mô hình "Dân vận khéo" trong nhân dân.	1		
	Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa UBND cấp xã với cấp ủy Đảng, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã.	1		
	Thực hiện theo sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của UBND và các cơ quan chuyên môn cấp trên; thực hiện chế độ báo cáo kịp thời, chính xác theo yêu cầu của UBND và các cơ quan chuyên môn cấp trên.	1		
	Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết HĐND các cấp; tổ chức họp tiếp xúc cử tri với đại biểu HĐND các cấp và đại biểu Quốc hội theo quy định; phối hợp với Thường trực HĐND chuẩn bị nội dung trình kỳ họp HĐND cấp xã.	1		
Tổng điểm phần II: 100		**Tổng điểm quy đổi phần II: 50**		
TỔNG ĐIỂM CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ CẤP XÃ (Tổng điểm quy đổi phần I + Tổng điểm quy đổi phần II): 100				